

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bên đương sự thỏa thuận:

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý 38/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP V (V); địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đa, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng B - chức danh: Trưởng phòng xử lý nợ Phản ứng nhanh Khách hàng cá nhân - Trung tâm Thu hồi nợ KHCN; người được ủy quyền lại: Ông Lê Văn T - Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Đặng Nhật L – Chuyên viên xử lý nợ; ông Trần Quốc Tuấn - Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: V Đồng Hới - Tầng 2 số 59 đường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Công ty cổ phần M; địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà C, số 219 phố T, phường Y, quận C, thành phố H; đại diện: Ông Hoàng Anh T – chức vụ: Tổng Giám đốc; người được ủy quyền: Ông Phan Huy M – chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ và ông Võ Ngọc D – chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ miền Nam; người được ủy quyền lại: Ông Hoàng Vũ L – chức vụ: cán bộ xử lý nợ.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị L, sinh năm: 1988 và anh Trần Việt H, sinh năm: 1988; cùng có nơi cư trú: Thôn 9 H, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tiền gốc và tiền lãi:

Căn cứ vào các Hợp đồng cho vay số LN2008142671556 ký ngày 18/08/2020; Hợp đồng cho vay số LD2221500599 ký ngày 03/08/2022 được ký kết giữa chị Trần Thị L, anh Trần Việt H với Ngân hàng TMCP V (V); Hợp đồng mua bán nợ Số 09/HĐMBN/V-JUPITER ngày 28/03/2025 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V V và Công ty cổ phần M.

Tổng số tiền tính đến hết ngày 21/4/2025, chị Trần Thị L và anh Trần Việt H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M tổng số tiền là: 414.520.356 đồng, trong đó:

- Chị Trần Thị L và anh Trần Việt H phải thanh toán 5% khoản nợ của Hợp đồng cho vay số LN2008142671556 ký ngày 18/08/2020; và Hợp đồng cho vay số LD2221500599 ký ngày 03/08/2022 cho Ngân hàng TMCP V tính đến ngày 21/4/2025 với số tiền là: 20.725.118 đồng, trong đó: Nợ gốc: 18.096.756 đồng; nợ lãi: 2.628.362 đồng (Lãi trong hạn: 199.727 đồng; lãi quá hạn: 2.320.703 đồng; lãi chậm trả: 107.933 đồng).

- Chị Trần Thị L và anh Trần Việt H phải thanh toán 95% khoản nợ của Hợp đồng cho vay số LN2008142671556 ký ngày 18/08/2020; và Hợp đồng cho vay số LD2221500599 ký ngày 03/08/2022; Hợp đồng mua bán nợ số 09/HĐMBN/V-JUPITER ngày 28/03/2025 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V V và Công ty cổ phần M, cho Công ty cổ phần M tính đến ngày 21/4/2025 với số tiền là 393.777.238 đồng, trong đó: Nợ gốc: 343.838.366 đồng; nợ lãi: 49.938.872 đồng (Lãi trong hạn: 3.794.804 đồng; lãi quá hạn: 44.093.349 đồng; lãi chậm trả: 2.050.718 đồng).

2.2. Thời hạn trả nợ số tiền gốc và tiền lãi:

Các bên đương sự thống nhất phương án và thời gian trả nợ như sau:

Chị Trần Thị L và anh Trần Việt H cam kết trả hết toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả trên cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M trong thời hạn 45 ngày, từ ngày 21/4/2025 đến ngày 05/6/2025.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án lập biên bản hòa giải thành là ngày 22/4/2025, chị Trần Thị L và anh Trần Việt H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN2008142671556 ký ngày 18/08/2020; Hợp đồng cho vay số LD2221500599 ký ngày 03/08/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và chị Trần Thị L, anh Trần Việt H và theo Hợp đồng mua bán nợ Số 09/HĐMBN/V-JUPITER mua một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN2008142671556 và Hợp đồng tín dụng số LD2221500599 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay.

2.3. Xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp chị Trần Thị L và anh Trần Việt H vi phạm thời hạn trả nợ thì được coi như vi phạm toàn bộ thỏa thuận. Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M có quyền tự xử lý hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Trần Thị L và anh Trần Việt H đang thế chấp đảm bảo cho

khoản vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M, cụ thể là 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST LUX A 2.0, biển kiểm soát: 73A-175.75, số khung: RPXAB1RSFKV008950, số máy: 200150060VF20SED thuộc sở hữu của chị Trần Thị L và anh Trần Việt H.

Trường hợp tài sản bảo đảm trên không đủ để thanh toán các khoản nghĩa vụ của chị Trần Thị L và anh Trần Việt H thì Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu chị Trần Thị L và anh Trần Việt H tiếp tục trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các đương sự thỏa thuận chị Trần Thị L và anh Trần Việt H chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 10.290.047 đồng (Mười triệu, hai trăm chín mươi nghìn, không trăm bốn mươi bảy đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Ngân hàng TMCP V (V) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 9.750.000 đồng (Chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số: 0001644 ngày 12/3/2025.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ